

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải luộc đồ, rửa đồ

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của điểm tiêu thụ công nghiệp số 02, xã Gia Xuyên thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống thoát nước chung của: hệ thống thoát nước chung của điểm tiêu thụ công nghiệp số 02 thuộc xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 6°): X(m)= 2311000, Y(m)= 636822

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm; 0,42 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D140 tự chảy vào hệ thống thoát nước của điểm tiêu thụ công nghiệp số 02, xã Gia Xuyên.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24h

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT, mức B	Giá trị cho phép Cmax (hệ số k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	5-9	Nhà máy không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc định kỳ chất lượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	1200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	40	48	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24	

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12	nước thải.
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ nhà vệ sinh khu văn phòng, nhà ăn công nhân sau khi được xử lý sơ bộ qua 03 với tổng thể tích bể phốt 15 m³ cùng với nước thải rửa đồ, luộc đồ theo đường ống thu gom PVC HDPE D140 độ dốc 0,1% tự chảy về hệ thống xử lý nước thải của Công ty trước khi chảy vào hệ thống thoát nước của điểm tiêu thụ công nghiệp số 02, xã Gia Xuyên.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt+ nước thải rửa đồ, nước thải luộc đồ → Ngăn thu gom → Bể hợp khối composite (ngăn điều hòa, ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lắng) → Ngăn khử trùng

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất, quạt hút ly tâm, xe nâng hạ sản phẩm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

(Vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°).

X(m)= 2311000, Y(m)= 636822

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2010/BTNMT); độ rung (QCVN 27:2016/BYT và QCVN 27:2010/BTNMT).

Cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	55	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	75	Mức nền	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	75	Mức nền	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà xưởng và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phép và đảm bảo khả năng cách âm giữa khu vực sản xuất với làm việc cũng như khu vực ngoài của Cơ sở.

- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần, thiết bị cũ là 3 tháng/lần.

- Đơn vị có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày tháng 5 năm 2022 của
Ủy ban thành phố Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
2	Hộp mực in thải	080204	10
3	Pin, ắc quy thải	190601	5
4	Dầu thải của các hộp số, động cơ xe nâng	17 02 03	100
5	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	15 01 01	100
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh
+ Vỏ đồ, nguyên liệu hỏng: 50 kg/ngày

+ Bao bì rách hỏng: 5 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Rác thải sinh hoạt chủ yếu là vỏ bao bì đựng thức ăn, thức ăn thừa hỏng phát sinh khoảng 24 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 05 thùng rác 220 lít

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 5 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Sử dụng một phần diện tích nhà xưởng để bố trí khu vực lưu trữ CTNH; khu vực lưu trữ có gắn biển báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 10 thùng thùng rác 25-50 lít xung quanh nhà xưởng

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 30 m²

- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa trong nhà: Sử dụng một phần diện tích

nhà xưởng để bố trí khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 03 thùng rác 25-50 lít tại khu vực nhà ăn ca

- Hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.